

**SỞ Y TẾ QUẢNG NGÃI
BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 1381/TB-BVĐK

Quảng Ngãi, ngày 19 tháng 8 năm 2022

V/v thông báo mời chào giá một số thuốc phục vụ cho nhu cầu điều trị

Kính gửi: Các đơn vị kinh doanh thuốc trong và ngoài tỉnh

Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi có nhu cầu mua một số thuốc thiết yếu không có kết quả đấu thầu tập trung cấp địa phương năm 2022-2023 của Sở Y tế Quảng Ngãi để sử dụng tại Bệnh viện trong thời gian 12 tháng.

Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi thông báo đến các đơn vị kinh doanh thuốc trong và ngoài tỉnh có khả năng cung ứng các mặt hàng trong danh mục kèm theo tham gia chào giá.

Đơn giá chào phải bao gồm thuế VAT, vận chuyển, giao hàng tại kho của khoa Dược - BVĐK tỉnh Quảng Ngãi.

- Hiệu lực báo giá: 12 tháng kể từ ngày báo giá.
- Chất lượng: đảm bảo chất lượng theo quy định.
- Thời gian gửi báo giá chậm nhất đến ngày 23/8/2022

(Mẫu báo giá kèm theo)

Gửi báo giá theo địa chỉ: Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi - Đường Lê Hữu Trác - Thành phố Quảng Ngãi. Điện thoại liên lạc: 0255.3825106.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên
- Trang Website Bệnh viện;
- Phòng TC-KT;
- Lưu: VT, Dược. chul

GIÁM ĐỐC

**KT GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



BSCKH Lê Văn Thiệu

Tên, địa chỉ đơn vị báo giá



BẢNG CHÀO GIÁ THUỐC

Kính gửi: Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi

S TT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Nhóm thuốc	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Giá kê khai	Đơn giá	Số lượng	Thà tiền

....., ngày.....thángnăm 2022

GIÁM ĐỐC

Ghi chú:

- Giá trên đã bao gồm thuế: GTGT. Giao hàng tại Kho Khoa Dược – BVĐK tỉnh Quảng Ngãi
- Thời gian giao hàng: 07 ngày theo từng đơn đặt hàng
- Hình thức thanh toán: Tiền mặt hoặc chuyển khoản
- Báo giá này có hiệu lực đến ngày
- Công tychịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về báo giá và giá kê khai đã báo với Bệnh viện.

PHỤ LỤC I

DANH MỤC CÁC THUỐC XIN BÁO GIÁ CỦA BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH QUẢNG NGÃI

(Theo thông báo số: 4581.../TB-BVĐK ngày của Giám đốc Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi)

STT	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ - Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng mua
1	Acetazolamid	N4	250mg	Uống	Viên	Viên	5.100
2	Aciclovir	N4	800mg	Uống	Viên	Viên	10.350
3	Aluminum phosphat	N4	20%/12,38g	Uống	Dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Gói	9.000
4	Aminophylin	N4	4,8%, ống 5ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/tiêm truyền	Ống	120
5	Bupivacain hydroclorid	N1	0,5%/4ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/tiêm truyền	Lọ/Ống	2.300
6	Calci carbonat + calci gluconolactat	N4	0,3g + 2,94g	Uống	Viên	Viên	60.500
7	Calci glubionat	N4	0,6875g/ 5ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/tiêm truyền	Ống	1.750
8	Capecitabin	N2	500mg	Uống	Viên	Viên	12.000
9	Carbazochrom	N4	10mg	Uống	Viên	Viên	1.000
10	Carbomer	N5	0,2% 10g	Tra mắt	Tube	tube	5
11	Carboplatin	N4	150mg	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/tiêm truyền	Chai/lọ/ ống/túi	40
12	Cefoperazon	N4	1g	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/tiêm truyền	Chai/lọ/ ống/túi	35.500
13	Cefoperazon + sulbactam	N4	1g + 1g	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/tiêm truyền	Chai/lọ/ ống/túi	4.200

STT	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ - Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng mua
14	Diethylphtalat	N4	10g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Chai/lọ	100
15	Dopamine hydroclorid	N1	200mg/5ml, ống 5ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/tiêm truyền	Chai/lọ/ ống/túi	115
16	Fusidic acid + hydrocortison	N4	100mg/5g: 50mg/5g, Tube 10-15g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Tube	15
17	Gemcitabin	N4	1000mg	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/tiêm truyền	Chai/lọ/ ống/túi	50
18	Glucose	N4	5%/500ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/tiêm truyền	Chai	12.650
19	Haloperidol	N4	5mg/ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/tiêm truyền	Chai/lọ/ ống/túi	100
20	Heparin (natri)	N2	25.000 UI	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/tiêm truyền	Chai/lọ/ ống/túi	6.300
21	Ketamin	N1	50mg/ml x 10ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/tiêm truyền	Chai/lọ/ ống/túi	55
22	Lidocain + epinephrin (adrenalin)	N1	(2%+0.001 %)1.8ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/lọ/ ống/túi	9.650
23	L-Ornithin-L-aspartat	N4	1g	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/tiêm truyền	Chai/lọ/ ống/túi	65
24	Magnesi sulfat	N4	15%/10ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/tiêm truyền	Chai/lọ/ ống/túi	350
25	Mebendazol	N4	500mg	Uống	Viên	Viên	33
26	Methyl prednisolon	N4	4mg	Uống	Viên	Viên	19.500
27	Mirtazapin	N4	30mg	Uống	Viên	Viên	200
28	Mometason furoat	N1	50mcg/liều x 120 liều	Xịt mũi	Thuốc hít định liều/Phun mũi định liều	Chai/Lọ/ Bình Xịt/Ống hít định liều	25

STT	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ - Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng mua
29	Morphin (hydroclorid, sulfat)	N4	10mg/ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/tiêm truyền	Chai/lọ/ ống/túi	29.900
30	N-acetylcystein	N4	200mg	Uống	Bột/ cốm/ hạt pha uống	Gói	78.500
31	Natri clorid	N4	0,45%/500ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/tiêm truyền	Chai/lọ/ ống/túi	2.500
32	Natri clorid	N4	0,9%,500ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/tiêm truyền	Chai	177.500
33	Paracetamol (acetaminophen)	N4	500mg	Uống	Viên	Viên	230.000
34	Paracetamol + codein phosphat	N4	500mg+ 30mg	Uống	Viên sủi	Viên	57.500
35	Phenobarbital	N5	100mg/ml x 1ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Ống	115
36	Phenylephrin	N1	50mcg/ml, ống 10ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/lọ/ ống/túi	30
37	Pilocarpin	N5	2% 15ml	Nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Lọ	12
38	Polyethylen glycol + Propylen glycol	N4	(0,4%+ 0,3%)/5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Chai/Lọ	70
39	Pralidoxim	N2	500mg	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/tiêm truyền	Chai/lọ/ ống/túi	800
40	Pramipexol	N2	0,18mg	Uống	Viên	Viên	50.000
41	Sắt (III) hydroxyd polymaltose +acid folic	N2	100mg+ 0,5mg	Uống	Viên	Viên	11.850
42	Sorbitol + natri citrat	N4	5g + 0,72g	Uống	Bột/ cốm/ hạt pha uống	Tube	100
43	Spironolacton	N1	25mg	Uống	Viên	Viên	25.000
44	Suxamethonium clorid	N1	100mg/2ml, ống 2ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/tiêm truyền	Chai/lọ/ ống/túi	40

STT	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ - Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng mua
45	Tamoxifen	N1	10mg	Uống	Viên	Viên	400
46	Theophylin	N1	100mg	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/tiêm truyền	Viên	1.000
47	Triclabendazol	N5	250mg	Uống	Viên	Viên	145
48	Tyrothricin + benzocain+ benzalkonium	N1	0,5mg +1,5mg +1mg	Ngậm	Viên	Viên	4.500
49	Vinpocetin	N1	10mg	Uống	Viên	Viên	1.000
50	Vitamin A + D2 (Vitamin A + D3)	N4	5000UI +400UI	Uống	Viên	Viên	43.000
51	Vitamin C	N4	1000mg	Uống	Viên sủi	Viên	18.500
52	Vitamin C	N4	500mg	Uống	Viên	Viên	60.000
53	Vitamin PP	N4	500mg	Uống	Viên	Viên	37.000
Tổng cộng: 53 mặt hàng							



QUẢNG NGÃI
ĐẠI KHOA TỈNH

ĐẠI KHOA
TỈNH QUẢNG NGÃI

CÁC THUỐC XI

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC CÁC THUỐC XIN BÁO GIÁ CỦA BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH QUẢNG NGÃI
(Theo thông báo số: ...1581.../TB-BVĐK ngày của Giám đốc Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi)

STT	Tên thuốc	Nhóm TCKT	Nồng độ - Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng mua
1	Clopidogrel 75mg (Plavix hoặc tương đương)	BD	75mg	Uống	Viên	Viên	9.600
Tổng cộng: 01 mặt hàng							